TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỦA CHÙA
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Bản án số: 05/2020/HS-ST
Ngày 07-12-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỦA CHÙA - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : ông Trương Anh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân : Ông Lò Văn Vớn và bà Lò Thị Dậu
- *Thư ký phiên tòa*: bà Lò Thị Thu- Thư ký TAND huyện T, tỉnh Điện Biên
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:* ông Lò Văn Nhung– Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2020/HS-ST ngày 29/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HS ngày 25/11/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tưởng Lý H** - Tên gọi khác: không; Sinh năm 1992 tại huyện T, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: tổ dân phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không, quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Tưởng Hữu L– Sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị L– Sinh năm 1966; Bị cáo có vợ là Lò Thị H- sinh năm 1992 và 01 con sinh năm 2014. Tiền sự: không; Tiền án: không; Tạm giữ, tạm giam: không, Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/8/2020 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Thào A X- SN 1993; trú tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt
- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*
+ Lò Thị C- sinh năm 1976; Trú tại: tổ dân phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt
+ Lò Thị P- sinh năm 1984; Trú tại: tổ dân phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt
+ Lò Văn L- sinh năm 1982; Trú tại: Bản B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt
+ Nguyễn Thị B- sinh năm 1969; Trú tại: tổ dân phố N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt
Người phiên dịch: bà Lò Thị T – Sinh năm 1980; trú tại bản B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 16/06/2020 bị cáo Tưởng Lý H đi bộ qua dãy nhà trọ của bà Nguyễn Thị H thuộc tổ dân phố N, thị trấn T, thấy khu nhà trọ vắng người nên Bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo đi đến căn phòng của anh Thào A X là nhân viên bán hàng của Trung tâm Viettel huyện T thì thấy cửa phòng khóa, cửa sổ đang hé mở, Bị cáo nhìn vào trong phòng thấy một chiếc túi màu đen để trên bàn. Bị cáo đã lấy một chiếc que gỗ để khều lấy chiếc túi, sau khi mở túi Bị cáo đã lấy 82 thẻ cào Viettel loại mệnh giá 50.000 đồng và 10 thẻ cào Viettel loại mệnh giá 500.000 đồng. Toàn bộ số thẻ lấy trộm được Bị cáo đem về cất giấu tại nhà ông Nguyễn Văn N tại tổ dân phố K, thị trấn T (là nhà Bị cáo đang trông coi hộ). Sau đó, Bị cáo ra chợ trung tâm thị trấn T bán cho một người phụ nữ dân tộc thái (không biết tên, địa chỉ) được 02 thẻ nạp loại 50.000 đồng với giá mỗi thẻ là 40.000 đồng và bán 01 thẻ loại 500.000 đồng cho một người đàn ông dân tộc thái (không biết tên, địa chỉ) được 100.000 đồng. Bị cáo đã tự cào và nạp 02 thẻ loại 50.000 đồng vào điện thoại di động của Bị cáo để sử dụng. Sau đó Bị cáo cào 03 thẻ loại 500.000 đồng để tiếp tục nạp vào điện thoại nhưng không nạp được do thẻ chưa kích hoạt, nên Bị cáo đã vứt cả 03 thẻ đó tại khu vực đường vào nghĩa trang thị trấn T; tiếp theo Bị cáo đem thẻ vào tổ dân phố Bản Cáp, thị trấn T bán cho Lò Thị C, Lò Thị P, Lò Văn L mỗi người 01 thẻ loại mệnh giá 50.000 đồng với giá mỗi thẻ bán 30.000 đồng. Tổng số tiền Bị cáo bán thẻ điện thoại được 270.000 đồng, Bị cáo đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Số thẻ còn lại 81 cái chưa cào, trong đó có 75 thẻ loại 50.000 đồng, 06 thẻ loại 500.000 đồng, sau khi bị phát hiện Bị cáo đã giao nộp cho cơ quan Công an. Đối với 03 thẻ Bị cáo đã cào loại 500.000 đồng, Bị cáo đã nhặt lại và đưa cho Bị hại; một thẻ loại 500.000 đồng bà Nguyễn Thị B mua được của một người không biết tên, địa chỉ đã đưa cho Bị hại và Bị hại đã giao nộp cả 04 thẻ cho Cơ quan CSĐT Công an huyện T.

Vật chứng cơ quan điều tra đã thu giữ gồm: 75 thẻ cào điện thoại Viettel mệnh giá 50.000 đồng; 10 thẻ cào điện thoại Viettel mệnh giá 500.000 đồng; 01 điện thoại di động bàn phím thu giữ của Bị cáo; 01 điện thoại di động OPPO thu giữ của Lò Thị C; 01 điện thoại di động OPPO thu giữ của Lò Thị P; 01 điện thoại di động bàn phím thu giữ của Lò Văn L.

Kết luận định giá tài sản số 16/KL-ĐGTS ngày 13/07/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T đã kết luận: giá thị trường tại thời điểm tháng 6/2020 của 92 thẻ cào điện thoại Viettel là 9.100.000 đồng.

Bị hại Thào A X có lời khai phù hợp với lời khai của Bị cáo về số lượng và mệnh giá các thẻ điện thoại Bị cáo đã lấy. Đối với số thẻ Bị cáo đã bán và làm hư hỏng Bị cáo đã bồi thường cho Bị hại với số tiền 800.000 đồng, Bị hại không yêu cầu Bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có lời khai phù hợp với lời khai của Bị cáo và không có yêu cầu gì đối với Bị cáo.

VKSND huyện T đã truy tố bị cáo Tưởng Lý H về tội trộm cắp tài sản, tại phiên tòa đại diện VKSND huyện T đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b,i,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, chấp nhận việc Bị cáo đã bồi thường xong cho Bị hại số tiền 800.000 đồng; Về vật chứng đề nghị công nhận quyết định xử lý vậy chứng của cơ quan điều tra về việc trả lại điện thoại cho Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 270.000 đồng do bị cáo bán thẻ điện thoại trộm cắp mà có, trả lại số thẻ nạp điện thoại Viettel cho Bị hại và đề nghị miễn án phí HSST cho bị cáo do gia đình thuộc hộ nghèo.

Tại phiên tòa Bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến như lời khai tại cơ quan điều tra, bị hại không yêu cầu Bị cáo bồi thường gì thêm và đề nghị được trả lại số thẻ cào điện thoại Viettel đang thu giữ; Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì sau khi nghe luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Thị C, Lò Văn L, xét sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 của BLTTHS.

[2] Qua lời khai của Bị cáo và các chứng cứ được làm rõ tại phiên tòa đã xác định được:

Bị cáo Tưởng Lý H vì muốn có tiền để sử dụng cho mục đích cá nhân, nên khoảng 09 giờ 30 phút ngày 16/6/2020, lợi dụng Bị hại Thào A X không có ở nhà, bị cáo đã lén lút lấy 92 thẻ nạp điện thoại di động Viettel có tổng mệnh giá 9.100.000 đồng của Bị hại và đã bán được 05 thẻ loại mệnh giá 50.000 đồng thu được số tiền 170.000 đồng, bán được 01 thẻ loại mệnh giá 500.000 đồng thu được số tiền 100.000 đồng, ngoài ra Bị cáo tự nạp 02 thẻ loại mệnh giá 50.000 đồng vào điện thoại di động của Bị cáo.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại xác nhận khoảng thời gian, địa điểm mất, đặc điểm của tài sản bị chiếm đoạt và tài sản cơ quan Điều tra đã thu lại được, phù hợp với vật chứng cơ quan điều tra thu giữ, kết quả khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá tài sản, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã mua thẻ nạp của Bị cáo, lời khai của người chứng kiến…

Như vậy có đủ cơ sở để xác định bị cáo đã lợi dụng lúc chủ sở hữu sơ hở trong việc quản lý tài sản, đã lén lút lấy 92 thẻ nạp điện thoại với mục đích bán lấy tiền sử dụng cho mục đích cá nhân, giá trị các thẻ nạp bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá là 9.100.000 đồng, do đó hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, VKSND

huyện T truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng, bị cáo thực hiện hành vi một mình, không có đồng phạm, động cơ mục đích phạm tội giản đơn, bột phát. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, trong quá trình Điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, nên cần xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b,i,s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của BLHS.

Xét tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu đang ngày càng có chiều hướng gia tăng, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện; Mặt khác, bị cáo là người nghiện chất ma túy (đang uống Methadone), không chịu lao động sản xuất, do đó HĐXX thấy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục, phòng ngừa bị cáo phạm tội mới và răn đe, cảnh tỉnh pháp luật cho những người khác.

Đối với những người đã mua thẻ nạp điện thoại của bị cáo, quá trình điều tra đã làm rõ những người này không biết là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo thuộc hộ nghèo, điều kiện kinh tế không có nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

[5] Đối với số tiền 270.000 đồng bị cáo có được do bán thẻ nạp điện thoại, bị cáo đã sử dụng cá nhân hết, HĐXX thấy đây là khoản tiền do bị cáo mua bán tài sản phạm tội mà có nên cần truy thu để sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Bồi thường dân sự:

Trong quá trình Điều tra, Bị cáo đã bồi thường 800.000 đồng cho Bị hại, tại phiên tòa bị hại không yêu cầu Bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử cần công nhận Bị cáo đã bồi thường xong cho Bị hại.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường hay bồi hoàn vấn đề gì, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[7] Xử lý vật chứng:

- Đối với các điện thoại di động thu giữ Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp với quy định, Hội đồng xét xử chấp nhận.
- Đối với 85 thẻ nạp điện thoại di động Viettel, trong đó có 75 thẻ mệnh giá 50.000 đồng và 10 thẻ mệnh giá 500.000 đồng là tài sản của Bị hại, nên cần trả lại cho Bị hại.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo nên cần miễn án phí cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, VKSND huyện trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố

tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên !

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Tưởng Lý H phạm tội: Trộm cắp tài sản

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b,i,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Tưởng Lý H **06 (sáu) tháng** tù.

Thời hạn tù tính từ ngày Bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

2. Truy thu tài sản: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự:

Truy thu số tiền 270.000 đồng (hai trăm bảy mươi nghìn đồng) do bị cáo bán thẻ nạp điện thoại trộm cắp mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Bồi thường dân sự:

Công nhận Bị cáo đã bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho Bị hại với số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng).

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho Bị hại Thào A X: 75 thẻ nạp điện thoại Viettel loại mệnh giá 50.000 đồng và 10 thẻ nạp điện thoại Viettel loại mệnh giá 500.000 đồng (trong đó có 03 thẻ mệnh giá 500.000 đồng đã bị cào).

Số vật chứng trên cơ quan thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

5. Án phí : Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

6. Kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Thời hạn kháng cáo đối với người có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :
- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện;
- CQTHAHS huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh; Sở Tư Pháp;
- THADS huyện;
- Bị cáo, Bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu HSVA, HSTHA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Trương Anh Tuấn